

Bản án số: 266/2025/DS-PT  
Ngày 19 tháng 9 năm 2025  
Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
hùn vốn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hữu Giàu.

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Minh Tâm và ông Trương Văn Hai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng hùn vốn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 216/2025/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (Nay là Ấp L, xã N, tỉnh An Giang).

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Thanh T (Út H), sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (Nay là Số D, ấp K, xã C, tỉnh An Giang).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Trần Ngọc P là Luật sư của Công ty L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số A, lô F, đường D, phường L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nội dung án sơ thẩm:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Phước L trình bày: Nguyên vào năm 2020, ông L có quen biết bà Đinh Thị Thanh T, trong thời gian quen biết hai bên có bàn bạc thoả thuận đi đến thống nhất là hùn

vốn mua 1 chiếc sà lan, mỗi bên đưa ra 1.025.000.000 đồng. Cụ thể là đầu tháng 05/2022, ông L có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V mua 01 chiếc sà lan đã qua sử dụng biển BTr-5588, ông L đặt cọc trước 100.000.000 đồng. Số tiền này ông L đưa ra trước chuyển khoản cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (Có trích xuất bảng kê ngân hàng) vào ngày 13/05/2022.

Đến ngày 16/05/2022, ông L đưa ra thêm 925.000.000 đồng và bà T đưa ra 1.025.000.000 đồng, ông L đưa tiền mặt cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V là 1.950.000.000 đồng để lấy sà lan và cùng nhau chạy đến chỗ sửa sà lan.

Vì là sà lan cũ nên sau khi mua ông L đưa đi sửa chữa, tổng cộng tiền sửa chữa sà lan là 229.174.170 đồng số tiền này ông L đưa ra trả cho cơ sở sửa chữa.

Sau khi sửa chữa sà lan xong, ông L ra vốn đi mua cát lần đầu là 60.000.000 đồng làm vốn. Và tiền huê hồng cho người chỉ mua sà lan là 15.000.000 đồng.

Khi mua sà lan, ông L và bà T có thoả thuận miệng với nhau là để bà T đứng tên hợp đồng mua bán sà lan. Nay trong thời gian vận chuyển hai bên có ý kiến không đồng thuận nên ông L có thoả thuận với bà T để rút vốn lại, nhưng bà T không đồng ý cho rằng sà lan là của bà T mua, ông L không có quyền. Trong thời gian vận chuyển mua bán cát, số tiền này ông L đều xuất ra. Do đó, nay ông L làm đơn khởi kiện này gửi đến Tòa án yêu cầu bà Đinh Thị Thanh T thôi lại số tiền ông L đưa ra 1.329.174.170 đồng.

Tại phiên tòa, ông L xác định chiếc sà lan là tài sản của bà T, ông không tranh chấp chia tài sản là chiếc sà lan. Ông L chỉ khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông L số tiền góp vốn vào việc đi mua sà lan mà ông L đã trả gồm: tiền đặt cọc mua sà lan 100.000.000 đồng, tiền sửa chữa sà lan 142.000.000 đồng, tiền ra vốn đi mua cát là 60.000.000 đồng và tiền huê hồng cho người chỉ mua sà lan là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 317.000.000 đồng và ông L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền mướn nhân công và tiền mua dây, tiền mua bửng và số tiền đưa ra cùng với bà T trả tiền mua sà lan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị Thanh T có lời trình bày: Vào năm 2020, khi dịch bệnh C bùng phát, bà T đang làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh nên trở về quê nhà ở ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang để tránh dịch. Trong thời gian này bà T có tham gia công tác từ thiện ở địa phương và có quen biết ông Nguyễn Phước L ở xã L là người cũng làm từ thiện như bà T. Đến năm 2022, do biết bà T có vốn và muốn mua sà lan để chở mướn nên ông L có giới thiệu cho bà T mua 01 sà lan ở Công ty V với giá 2.050.000.000 đồng. Do là phụ nữ đơn thân nên bà T có nhờ ông L đứng ra giao dịch để nói chuyện mua bán, sơ suất của bà T là tin tưởng ông L nên bà T đưa tiền mặt để đặt cọc sà lan là 100.000.000 đồng vào ngày 13/05/2022 và hẹn 03 ngày sau (tức là ngày 16/05/2022) bà T xuống lấy sà lan. Đến ngày lấy sà lan, chính bà T cầm tiền xuống đưa cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật tư và xây dựng V, chủ sở hữu sà lan BTr-5588 là ông Lê Minh T1, có giấy xác nhận của Công

ty là có nhận đủ số tiền của bà T là 1.950.000.000 đồng và có giấy Phòng công chứng – Công chứng viên Hợp đồng mua bán sà lan giữa bà T và ông Lê Minh T1 nên giấy tờ sở hữu sà lan là của bà T nên bà T đứng tên. Sau khi lấy sà lan về, do là sà lan cũ nên phải sửa chữa, bà T có đem sà lan về trên bãi của anh Bảy L1 thuộc xã K để sửa chữa, do bà T là người phụ nữ đơn thân nên bà T có nhờ ông L trông coi tiếp bà T. Tổng số tiền sửa chữa bà T đưa cho ông L là 150.000.000 đồng, tiền mặt để chỉ trả, trong đó chi phí sửa chữa sà lan là 142.000.000 đồng, số tiền dư ra là bà T gửi cho ông L chỉ phí tới lui trông coi.

Sau khi sà lan đi vào hoạt động, ông L ngày càng lộ rõ thái độ khuất tất, không rõ ràng trong làm ăn và tìm cách ve vãn chọc ghẹo bà T trước mặt mọi người. Vì biết ông L có vợ con nên bà T quyết liệt cự tuyệt và luôn tìm cách tránh né để không mang tiếng nhưng ông L đi đâu cũng nói bà T là người tình hay vợ của ông L. Dù rất nhiều lần bà T phản đối nhưng vì công việc làm ăn tội nhin để cho qua câu chuyện. Vì kinh doanh chung mặt hàng cát sông nên lúc đầu bà T và ông L cũng giúp đỡ nhau qua lại nhưng càng ngày thì dã tâm của ông L ngày càng lộ rõ, không rõ ràng trong làm ăn, không chỉ riêng sà lan của bà T mà còn nhiều sà lan khác. Ông L hợp đồng bên công trình rồi kêu nhiều sà lan về chạy nhưng ông L không trả tiền cho sà lan của bà T và sà lan khác nữa. Từ ngày mua sà lan đến nay là hơn 03 năm, giữa bà T và ông L không có hợp đồng hùn vốn và văn bản công nợ mà bà T nợ ông L mà chỉ ông L đang nợ bà T.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang) tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước L và xử như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước L đối với số tiền 1.012.174.170 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi đồng).

2. Buộc bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền 317.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bảy triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T (Út H), sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Số D, ấp K, xã C, tỉnh An Giang) là bị đơn trong vụ án.

Kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không đồng ý đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- *Nguyên đơn trình bày:* Thống nhất với bản án sơ thẩm, không có ý kiến khác.

- *Bị đơn trình bày:* Không đồng ý với bản án sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:* Ông L khởi kiện bà T trả số tiền 317.000.000 đồng là không có chứng cứ thuyết phục. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị Thanh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Phước L khởi kiện hợp đồng hùn vốn với bà Đinh Thị Thanh T với số tiền ông đã chi ra là 1.242.812.000 đồng (bao gồm: tiền đặt cọc 100.000.000 đồng; tiền mặt hùn mua sà lan 925.000.000 đồng; trả tiền huê hồng mua sà lan 15.000.000 đồng; tiền sửa chữa 142.000.000 đồng; tiền mua cát lần đầu 60.000.000 đồng). Bị đơn bà Đinh Thị Thanh T không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng hùn vốn, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 317.000.000 đồng (tiền đặt cọc 100.000.000 đồng; trả tiền huê hồng mua sà lan 15.000.000 đồng; tiền sửa chữa sà lan 142.000.000 đồng; tiền mua cát lần đầu 60.000.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thống nhất số tiền 317.000.000 đồng (tiền đặt cọc 100.000.000 đồng; trả tiền huê hồng mua sà lan 15.000.000 đồng; tiền sửa chữa 142.000.000 đồng; tiền mua cát lần đầu 60.000.000 đồng) ông L có trực tiếp chi suất ra 04 khoản tiền nêu trên là có thật. Nhưng bà T cho rằng 04 khoản tiền với tổng số tiền là 317.000.000 đồng mà ông L khởi kiện bà đã hoàn trả lại đầy đủ cho ông L, xem như đã quyết toán xong. Về chứng cứ trả tiền bà T trình bày chỉ có 02 người biết, ngoài ra không có

chứng cứ gì chứng minh. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà T trả cho ông L số tiền 317.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Đinh Thị Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Phúc xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước L đối với số tiền 1.012.174.170 (Một tỷ không trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi) đồng.

2. Buộc bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền 317.000.000 đồng (Ba trăm mười bảy triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.850.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.937.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng), theo biên lai số 0024161 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án khu vực 11 – An Giang).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0024743 ngày 05/6/2025 Của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án khu vực 11 – An Giang).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hai    Phạm Thị Minh Tâm**

**Lưu Hữu Giàu**

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND AG;
- Phòng GD KT TT và THA;
- TAND Khu vực;
- Phòng THA Khu vực;
- Đường sự (để thi hành);
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Hữu Giàu**